

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 01/2019/DS-ST.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Phương Văn Tư

2, Ông Hoàng Văn Xuân

Thư ký phiên toà: Bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Ông Nông Ích Bộ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 01/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Văn C, sinh năm 1964

Trú tại: xóm B M- xã N C - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Bị đơn: 1, Trần Văn V, sinh năm 1977;

2, Trần Văn Đ, sinh năm 1984.

Cùng trú tại: xóm B M - xã N C - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Dẫn Đ, sinh năm 1947

Trú tại: xóm B M- xã N C - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Người làm chứng:

1, Trần Văn D

Trú tại: B M – N C – T K – Cao Bằng.

(vắng mặt) không có lý do

2, Hà Thanh V

Trú tại: B M– N C – T K – Cao Bằng.

(vắng mặt) không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Gia đình tôi (C) có thửa đất vườn tại xóm B M, xã N C, huyện T K, tỉnh Cao Bằng (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 54). Lúc tôi còn nhỏ đã thấy bố tôi là ông (Trần Văn X) quản lý vườn vầu. Hiện nay bố tôi đã chết để lại cho tôi quản lý và sử dụng ổn định. Đến năm 2018 ông Trần Văn Đ và ông Trần Văn V lại đến tranh chấp, chặt phá hết vườn vầu của tôi rào vào trồng cỏ voi. Sau khi sự việc xảy ra tôi có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã N C và được Ủy ban nhân dân xã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ông V và ông Đ trả lại đất cho tôi và không yêu cầu ông Đ, ông V bồi thường số vầu mà ông V, ông Đ đã chặt.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Về nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp gia đình tôi (V) có một mảnh đất đã trồng vầu là của ông bà, bố mẹ tôi để lại tôi chỉ là người thừa kế, gia đình tôi quản lý từ năm 1967 đến nay.

Nguyên nhân lý do xảy ra tranh chấp chỗ đất này đã bỏ hoang không ai quản lý nên bố tôi là ông (Trần Văn Đ) cho tôi canh tác, ngày 25 tháng 4 năm 2018 tôi đi chặt vầu và cày lên để trồng cỏ voi ông C không có ý kiến gì đến khi cỏ voi mọc tốt thì ông C nhỏ đi mới xảy ra tranh chấp. Sau khi sự việc xảy ra tranh chấp ông Chiến đã gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã N C và được Ủy ban nhân dân xã gọi hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được nên ông C khởi kiện tôi ra Tòa.

Đám đất hiện nay tôi đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố tôi là ông Trần Văn Đ cấp ngày 08/10/1994.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được quyền quản lý canh tác sử dụng đám đất theo qui định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn trình bày:

Xác nhận về nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp đúng như lời khai của anh Trần Văn V đã trình bày và đám đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được quyền quản lý canh tác sử dụng đám đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày: Tôi (Đ) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp quyền sử

dụng đất”. Tôi quan hệ với ông C tôi là chú còn ông C là cháu, quan hệ với anh Trần Văn V và Trần Văn Đ tôi là bố còn V và Đ là con đẻ tôi.

Về nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là của bố mẹ tôi để lại tôi là người thừa kế, trong đám đất này có cây vầu và gia đình tôi không quản lý mà giao cho ông Trần Văn X (bố Trần Văn C) quản lý nhưng từ năm nào tôi không nhớ.

Nguyên nhân lý do xảy ra tranh chấp chỗ đất này đã bỏ hoang không ai quản lý, canh tác nên tôi cho hai con trai là Trần Văn V, Trần Văn Đ canh tác ngày 25 tháng 4 năm 2018 hai con tôi đi chặt vầu và cày lên trồng cỏ voi ông C không có ý kiến gì đến khi cỏ voi mọc thì ông C đến phá nhổ đi và dùng dao phát đi hết mới xảy ra tranh chấp. Sau khi sự việc xảy ra tranh chấp ông C đã gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã N C và được Ủy ban nhân dân xã gọi hoà giải nhưng hai bên không thoả thuận được nên ông C khởi kiện hai con trai tôi là Trần Văn V và Trần Văn Đ lên tòa. Đám đất này tôi đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên tôi Trần Văn Đ cấp ngày 08 /10/1994. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình tôi được quyền quản lý canh tác sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C yêu cầu ông Trần Văn V và Trần Văn Đ trả lại đất cho ông C thửa đất tranh chấp diện tích: 213 m² nằm trong thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54 tại xóm B M- xã N C - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

Ông Đ và ông V cùng gia đình của hai ông không được tranh chấp và canh tác trên thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54 diện tích 213 m² là đất vườn vầu của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp về quyền sử dụng đất. Về thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh. Ngoài ra bị đơn có nơi cư trú tại xóm B M- xã NC - huyện T K - tỉnh Cao Bằng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tranh chấp đất giữa các bên đương sự: Xét về nguồn gốc đất, nguyên đơn khai nhận nguồn gốc đất là của ông Trần Văn X là bố của ông Trần Văn C ông X đã chết để lại cho ông C quản lý và sử dụng ổn định. Năm 2018 ông Trần Văn V và ông Trần Văn Đ đến tranh chấp, chặt phá hết vườn vầu của ông C và rào vào trồng cỏ voi. Đối với bị đơn ông Trần Văn V, ông Trần Văn Đ cũng cho rằng đám đất hiện nay đang tranh chấp là của ông bà, bố mẹ các ông để lại các ông chỉ là người thừa kế, gia đình các ông quản lý từ năm 1967 đến nay.

Tòa án cũng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tại nơi xảy ra tranh chấp đất tại xóm B M, xã N C, huyện T K , tỉnh Cao Bằng vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 xác định:

Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 213m², thuộc thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54, tại xóm B M, xã N C, huyện T K, tỉnh Cao Bằng, trên phần đất này có cỏ voi.

Về tứ cận:

- Phía đông giáp đường tỉnh lộ 213;
- Phía tây giáp nhà ông Lục Văn T;
- Phía nam giáp đường dân sinh;
- Phía bắc giáp vườn vầu ông Lương Văn N;

Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời trình bày giữa các bên đương sự xác định về nguồn gốc đất là của ông Trần Văn X là bố để ông Trần Văn C để lại và gia đình ông C canh tác liên tục từ năm 1967 cho đến ngày xảy ra tranh chấp. Đến tháng 4 năm 2018 ông Trần Văn V và Trần văn Đ đến tranh chấp và cho rằng là đất của ông bà, bố mẹ để lại nhưng ông V, ông Đ không có giấy tờ gì để chứng minh là đất của các ông nên không có căn cứ để chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn C đòi lại quyền sử dụng thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54 có diện tích là: 213m².

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản ý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu ông Trần Văn V, Trần Văn Đ trả lại đất cho ông là đúng pháp luật.

2. Buộc các ông Trần Văn V, Trần Văn Đ trả lại thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54 diện tích 213m² cho ông Trần Văn C.

Về tứ cận:

- Phía đông giáp đường tỉnh lộ 213;
- Phía tây giáp nhà ông Lục Văn T;
- Phía nam giáp đường dân sinh;
- Phía bắc giáp vườn rau ông Lương Văn N;

Ông Trần Văn C được quyền quản lý và sử dụng thửa đất số 32 tờ bản đồ số 54 diện tích 213m². (Có sơ đồ đo đạc thực địa vị trí tranh chấp kèm theo)

3. Về án phí: ông Trần Văn V, ông Trần Văn Đ mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước.

Ông Trần Văn C được hoàn lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh theo biên lai số AB/2018/ 0002154 ngày 02/01/2019.

4. Báo cho các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa Dân Sự TAND tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS - TK;
- UBND xã Ngọc Côn;
- Các bên đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

La Văn Viên

